

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	269,048,673,490	1,026,028,625,445
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	635,537
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	269,048,673,490	1,026,027,989,908
4	Giá vốn hàng bán	228,805,050,470	885,443,274,956
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40,243,623,020	140,584,714,952
6	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	5,029,884,491	13,472,137,034
7	Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	8,261,037,444	23,907,554,471
8	Chi phí bán hàng	16,327,699,085	49,433,839,445
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,016,788,734	26,912,811,335
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9,667,982,248	53,802,646,735
11	Thu nhập khác	539,939,280	8,279,822,438
12	Chi phí khác	324,209,787	4,638,059,122
13	Lợi nhuận khác	215,729,493	3,641,763,316
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,883,711,741	57,444,410,051
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,840,620,115	9,297,619,585
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,043,091,626	48,146,790,466
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2,548
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Nha trang, ngày 24 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH LÂM